

Số: 68/BC- HĐND

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO THẨM TRA

**Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số nội dung chi,
mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố**
(Ban Văn hóa - Xã hội trình tại kỳ họp thứ 18, HĐND Thành phố khóa XV)

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân Thành phố

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và phân công của Thường trực HĐND Thành phố, Ban Văn hóa - Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND Thành phố tổ chức thẩm tra Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố do UBND Thành phố trình tại kỳ họp thứ 18 HĐND Thành phố khóa XV. Ban Văn hóa - Xã hội báo cáo HĐND Thành phố ý kiến thẩm tra như sau:

A. Về hồ sơ trình, căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành nghị quyết

1. Hồ sơ UBND Thành phố trình HĐND Thành phố đảm bảo theo quy định, đã thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định các nội dung chi, mức chi cụ thể là cần thiết và phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật ngân sách nhà nước năm 2015, các nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương tại các thông tư, thông tư liên tịch. Nội dung UBND Thành phố trình thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp.

B. Về những nội dung quy định cụ thể

I. Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội

1. Về sự cần thiết, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành

Chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị- xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Hà Nội đã được thực hiện từ năm 2006 đến nay theo các Quyết định của UBND Thành phố và Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố (có hiệu lực đến ngày 31/12/2020).

Đề động viên đội ngũ công chức, viên chức đang làm công tác chuyên trách về CNTT trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của thành phố Hà Nội và đảm bảo ổn định, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, xây dựng Thành phố thông minh; việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết tiếp tục cơ chế đặc thù hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức được giao nhiệm vụ chuyên trách về CNTT trong giai đoạn tới là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung và mức hỗ trợ

UBND Thành phố đề xuất tiếp tục thực hiện cơ chế hỗ trợ như Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố đến thời điểm Chính phủ triển khai áp dụng chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương. Ban Văn hóa - Xã hội nhất trí với đề xuất của UBND Thành phố, cụ thể:

Đối tượng áp dụng: Là công chức, viên chức có bằng chuyên môn về CNTT (gồm: ngành đào tạo về CNTT hoặc các ngành gần đào tạo về CNTT theo quy định) được giao nhiệm vụ chuyên trách (trực tiếp chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước, triển khai, quản trị hệ thống) về CNTT theo đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội.

Mức hỗ trợ cụ thể :

- Người có trình độ đại học hoặc trên đại học được hưởng mức hỗ trợ: 2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp được hưởng mức hỗ trợ: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Dự kiến kinh phí thực hiện một năm khoảng 10.173 triệu đồng (ngân sách cấp Thành phố: 7.563 triệu đồng; ngân sách cấp huyện 2.610 triệu đồng).

3. Đề nghị UBND Thành phố

Việc rà soát đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ thực hiện trên cơ sở vị trí việc làm và bằng cấp chuyên môn. Do vậy, đề nghị cần tiếp tục rà soát, thống nhất các chức danh công việc, mô tả các nhiệm vụ cơ bản của vị trí việc làm của các đối tượng được hưởng chế độ theo hướng chỉ hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin.

II. Quy định nội dung chi, mức chi tập huấn đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia của Thành phố Hà Nội

1. Về sự cần thiết, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành

Trong những năm qua, học sinh Hà Nội đã tham gia nhiều cuộc thi quốc gia, đại diện cho cả nước tham gia nhiều cuộc thi quốc tế và khu vực đạt nhiều thành tích cao, ấn tượng. Nhằm khuyến khích người dạy và người học phát huy

năng lực sáng tạo; góp phần nâng cao chất lượng dạy và học; đồng thời phát hiện người học có năng khiếu để tạo nguồn bồi dưỡng, thực hiện mục tiêu đào tạo nhân tài cho đất nước, cần thiết có chính sách động viên, hỗ trợ. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Thành phố quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác tập huấn đội tuyển học sinh giỏi tham gia các kỳ thi cấp quốc gia.

Hiện nay, Trung ương có quy định về nội dung chi, mức chi cho việc tập huấn đội tuyển quốc gia dự thi các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực tại Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của liên bộ: Tài chính - Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BGDĐT ngày 25/8/2014 về việc ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, trong đó về công tác chuẩn bị cho kỳ thi học sinh cấp quốc gia tại Điều 15 và Điều 16 đã quy định cụ thể về việc thành lập đội tuyển dự thi và số lượng thí sinh dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi tập huấn đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia của thành phố Hà Nội là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung và mức chi

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất với đề xuất của UBND Thành phố về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng nêu tại Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố.

UBND Thành phố đề xuất áp dụng nội dung, mức chi tập huấn đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia của Thành phố Hà Nội bằng 80% mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực. (Năm 2016, HĐND Thành phố cũng đã ban hành Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố, trong đó có quy định về nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi cấp Thành phố được áp dụng mức chi bằng 80% mức chi tổ chức kỳ thi cấp quốc gia được quy định tại Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT nêu trên).

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề xuất của UBND Thành phố, các nội dung, mức chi đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

Về nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách cấp Thành phố, dự kiến kinh phí thực hiện một năm khoảng 2.800 triệu đồng.

III. Quy định mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trung học phổ thông chuyên trong các trường chuyên và học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập của thành phố Hà Nội

1. Về sự cần thiết, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 85 Luật Giáo dục 2019 quy định “Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt kết quả học tập xuất sắc ở trường chuyên, trường năng khiếu”; ngày 17/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục 2019, tại điều 8 của Nghị định số 84/2020/NĐ-CP quy định đối tượng, mức học bổng, nguồn học bổng khuyến khích học tập;

Căn cứ Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách;

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh THPT chuyên trong các trường chuyên và học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập của thành phố Hà Nội là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND Thành phố.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung và mức chi

Về phạm vi, đối tượng áp dụng: UBND Thành phố trình phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Ban Văn hóa- Xã hội thống nhất với đề xuất của UBND Thành phố.

Về mức học bổng: Qua tham khảo về mức thu học phí hiện hành và quy định về chế độ học bổng khuyến khích học tập của một số tỉnh, thành phố¹; UBND Thành phố đề xuất lấy mức thu học phí hiện hành đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học trung học phổ thông công lập trên địa bàn thành thị (quy định tại Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, mức thu học phí năm học 2020-2021 là 217.000 đồng/tháng/học sinh) để xác định mức học bổng khuyến khích học tập và đề xuất học bổng gồm 05 mức cho 05 đối tượng:

(1) Đối tượng 01: Học sinh trung học phổ thông chuyên đủ điều kiện được cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ:

Mức học bổng 01 tháng bằng 03 lần (bằng mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ) mức thu học phí hiện hành đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học trung học phổ thông công lập trên địa bàn

¹ Tỉnh Bình Thuận quy định 09 mức học bổng: cao nhất là 14 lần, thấp nhất là 3,5 lần mức thu học phí hiện hành khu vực thành thị (học phí là 75.000đ/tháng/hs); tỉnh Ninh Bình quy định 02 mức học bổng: cao nhất là 08 lần, thấp nhất là 04 lần mức thu học phí hiện hành khu vực thành thị (học phí là 122.000đ).

thành thị (cụ thể mức học bổng là 217.000 đồng x 03 lần = 651.000 đồng/tháng/học sinh).

(2) Đối tượng 02: Đối với học sinh trung học phổ thông chuyên đủ điều kiện được cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ và được chọn vào đội tuyển của Thành phố dự thi kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

Mức học bổng 01 tháng bằng 04 lần (bốn lần) mức thu học phí hiện hành đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học trung học phổ thông công lập trên địa bàn thành thị.

(3) Đối tượng 03: Đối với học sinh trung học phổ thông chuyên đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia; học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao có hạnh kiểm từ loại khá trở lên, học lực đạt từ trung bình trong kỳ xét, cấp học bổng và đạt giải hoặc huy chương trong cuộc thi cấp quốc gia.

Mức học bổng 01 tháng bằng 06 lần (sáu lần) mức thu học phí hiện hành đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học trung học phổ thông công lập trên địa bàn thành thị.

(4) Đối tượng 04: Học sinh trung học phổ thông chuyên đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia và được chọn vào đội tuyển quốc gia dự thi kỳ thi học sinh giỏi cấp khu vực hoặc quốc tế.

Mức học bổng 01 tháng bằng 08 lần (tám lần) mức thu học phí hiện hành đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học trung học phổ thông công lập trên địa bàn thành thị.

(5) Đối tượng 05: Đối với học sinh trung học phổ thông chuyên đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp khu vực hoặc quốc tế; học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao có hạnh kiểm từ loại khá trở lên, học lực đạt từ trung bình trong kỳ xét, cấp học bổng và đạt giải hoặc huy chương trong cuộc thi cấp khu vực hoặc quốc tế.

Mức học bổng một tháng bằng 10 lần (mười lần) mức thu học phí hiện hành đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học trung học phổ thông công lập trên địa bàn thành thị.

Đối với học sinh thuộc đối tượng 02, 03, 04, 05 thời gian tính cấp học bổng được tính từ tháng đủ điều kiện theo quy định và số tháng được hưởng là 9 tháng thực học tại các trường chuyên và các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập của thành phố Hà Nội. Trường hợp một học sinh đạt nhiều thành tích được cấp học bổng trong cùng kỳ xét cấp học bổng, thì chỉ được hưởng mức học bổng tương ứng thành tích cao nhất theo quy định.

Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố thống nhất với các mức học bổng như nội dung trình của UBND Thành phố.

Về nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách cấp Thành phố. Dự kiến kinh phí thực hiện một năm là 24.522 triệu đồng.

3. Đề nghị UBND Thành phố

Báo cáo rõ thêm cơ sở đề xuất mức học bổng với từng đối tượng.

IV. Quy định mức hỗ trợ thực hiện một số chính sách phát triển giáo dục mầm non của thành phố Hà Nội

1. Về sự cần thiết, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành

Căn cứ theo quy định của Điều 30 Luật ngân sách nhà nước; Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2020; việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét và ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ thực hiện một số chính sách phát triển giáo dục mầm non của thành phố Hà Nội là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung và mức hỗ trợ

UBND Thành phố trình phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Ban Văn hóa- Xã hội thống nhất với đề xuất của UBND Thành phố.

UBND Thành phố trình 03 nội dung mức hỗ trợ thực hiện một số chính sách phát triển giáo dục mầm non của thành phố Hà Nội, cụ thể gồm:

(1) Hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã thuộc vùng khó khăn.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định: *"Kinh phí hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non được tính trên số lượng trẻ em được ăn bán trú, tối thiểu bằng 2.400.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học".*

- Mức hỗ trợ đề xuất: 3.600.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em (bằng 1,5 lần mức tối thiểu), số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng; thời gian hỗ trợ: Không quá 9 tháng/01 năm học. Kinh phí dùng để hỗ trợ trực tiếp cho nhân lực tổ chức nấu ăn.

(2) Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập...có cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định: *"Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này (đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc*

mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định) được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học".

- Mức hỗ trợ đề xuất: 240.000 đồng/trẻ/tháng (bằng 1,5 lần mức quy định tối thiểu), tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/01 năm học.

(3) Chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp.

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định giáo viên mầm non bảo đảm các điều kiện quy định: "Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định; có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng (tám trăm ngàn đồng một tháng)".

- Mức hỗ trợ đề xuất: 1.200.000 đồng/giáo viên/tháng (bằng 1,5 lần mức quy định tối thiểu; mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp). Tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học, nhưng không quá 9 tháng/01 năm học.

- Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo thực tế nhưng không vượt quá định mức giáo viên quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Các mức hỗ trợ nêu trên bằng 1,5 lần mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP là phù hợp với mức thu nhập bình quân của người dân thành phố Hà Nội. Tổng kinh phí hỗ trợ nằm trong khả năng cân đối ngân sách Thành phố. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố cơ bản thống nhất với nội dung trình của UBND Thành phố.

Về nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp. Riêng năm 2020 và năm 2021: các quận tự đảm bảo kinh phí hỗ trợ; ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu kinh phí cho các huyện, thị xã để thực hiện. Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ trong 01 năm học khoảng 17.727 triệu đồng.

3. Đề nghị UBND Thành phố

Ngoài 03 nội dung hỗ trợ nêu trên, đề nghị UBND Thành phố báo cáo thêm lý do chưa trình và việc đề xuất trình HĐND Thành phố quyết nghị đối với 02 chính sách quy định tại điều 5,6 của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động (điều 5 của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP).

- Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non (điều 6 của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP).

V. Quy định mức chi đặc thù cho cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố

1. Về sự cần thiết, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành

Từ tháng 01/2017, đội ngũ cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố được hưởng mức thù lao (ngoài định mức hoạt động sự nghiệp dân số - kế hoạch hóa gia đình) hệ số 0,43 (so với lương tối thiểu) ở các xã dân tộc và miền núi, hệ số 0,33 (so với lương tối thiểu) ở các xã, phường, thị trấn còn lại theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố và có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020. Để hỗ trợ, động viên lực lượng cộng tác viên dân số thôn, làng, tổ dân phố thực hiện tốt công tác dân số trong tình hình mới theo chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, việc tiếp tục duy trì định mức chi đặc thù cho đội ngũ cộng tác viên dân số là cần thiết.

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; trong đó, tại điểm 3, phần II về Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số yêu cầu: *"Rà soát, ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cộng tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố đơn vị sản xuất. Bổ sung nội dung, định mức chi công tác dân số trong phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước"*; tại mục 7, phần II về kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo: *"Tiếp tục duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số là những người được nhân dân tín nhiệm... Xây dựng, ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp về vật chất, tinh thần cho đội ngũ này"*.

Theo quy định tại Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi đặc thù cho cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và mức chi

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất với đề xuất của UBND Thành phố quy định mức chi đặc thù cho đối tượng là cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố.

UBND Thành phố đề xuất mức chi thù lao cho cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố (ngoài định mức hoạt động sự nghiệp dân số - kế hoạch hóa gia đình) như mức đang thực hiện (theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố): **hệ số 0,43** (so với lương tối thiểu) ở các xã địa bàn khó khăn; **hệ số 0,33** ở các xã, phường, thị trấn còn lại.

Về nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước theo phân cấp. Dự kiến kinh phí thực hiện một năm khoảng 65.591 triệu đồng.

Ban Văn hóa - Xã hội cho rằng việc UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức chi đặc thù cho đội ngũ cộng tác viên dân số như đang thực hiện (theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố) là phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

VI. Quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Về sự cần thiết, căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành

Ngày 23/9/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2019/TT-BTC về việc quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước, thay thế Thông tư số 104/2007/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 30/8/2007 của liên Bộ: Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trong đó, tại khoản 2, Điều 6 quy định *“Căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này và khả năng cân đối nguồn ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và đảm bảo theo quy định hiện hành”*.

Theo quy định tại Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung, mức chi

UBND Thành phố đề xuất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng phù hợp quy định tại Thông tư 67/2019/TT-BTC ngày 23/9/2019 của Bộ Tài chính.

Về các nội dung chi, mức chi, UBND Thành phố đề xuất phù hợp với quy định tại Thông tư 67/2019/TT-BTC ngày 23/9/2019 của Bộ Tài chính và quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Đối với các nội dung chi tại Thông tư 67/2019/TT-BTC ngày 23/9/2019 của Bộ Tài chính quy định khung, UBND Thành phố đề xuất áp dụng bằng mức tối đa của khung. Đối với những nội dung Thông tư 67/2019/TT-BTC quy định áp dụng theo mức chi hiện hành về công tác phí, chế độ hội nghị, UBND Thành phố đề xuất áp dụng theo Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội (*Phụ lục số 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội*).

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất với đề xuất của UBND Thành phố, các nội dung chi, mức chi phù hợp với yêu cầu thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

C. Về dự thảo Nghị quyết

1. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định² đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và không trái với các quy định pháp luật của Nhà nước.

2. Đề nghị UBND Thành phố:

(1) Bỏ Điều 1 của dự thảo Nghị quyết (“Kéo dài thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội quy định tại Phụ lục 01 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND thành phố Hà Nội từ ngày 01/01/2021 đến khi Chính phủ triển khai áp dụng chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”).

Đề nghị xây dựng nội dung hỗ trợ nêu trên thành một phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết.

(2) Về đối tượng áp dụng tại phụ lục 02 dự thảo Nghị quyết: đề nghị bỏ nội dung “các cơ quan, đơn vị có liên quan” vì không thuộc đối tượng của Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

(3) Rà soát thể thức, bố cục, trình bày của dự thảo Nghị quyết đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình của UBND Thành phố, kết quả thảo luận của đại biểu HĐND thành phố, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị HĐND Thành phố thông qua Nghị quyết.

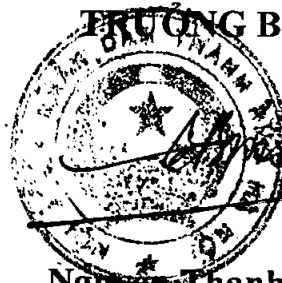
Ban Văn hóa - Xã hội kính trình HĐND Thành phố xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy (để b/c);
- TT HĐND TP (để b/c);
- UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP: HĐND, UBND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Giáo dục & Đào tạo, Văn hóa & Thể thao, Y tế, Thông tin & Truyền thông, Tư pháp;
- Lưu: VT, Ban VHXH./.

TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thanh Bình

²Báo cáo số 272/BC-STP ngày 18/11/2020; Báo cáo số 289/BC-STP ngày 18/11/2020; Báo cáo số 299/BC-STP ngày 20/11/2020; Báo cáo số 300/BC-STP ngày 23/11/2020; Báo cáo số 304/BC-STP ngày 25/11/2020; Báo cáo số 278/BC-STP ngày 09/11/2020.